

Bản án số: 55/2025/HSST
Ngày 29/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quyết Thắng và bà Hoàng Thị Thắm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hưng Yên tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự thụ lý số 40/2025/HSST ngày 12/9/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HS ngày 17/9/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh Đ. Sinh năm: 1998, Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: Nguyễn Quốc V, sinh năm 1974; Mẹ: Lưu Thị N, sinh năm 1976; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 20/9/2022, bị Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù. Ngày 09/8/2024, Đ chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa hết thời hạn để được xoá án tích.

Tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Ngày 29/12/2021, bị Công an huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Đ bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại K – Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh H. Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Xuân B. Sinh năm: 1991; Giới tính: Nam.

HKTT: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố: Trần Văn T, sinh năm 1969. Mẹ: Lê Thị N1, sinh năm 1973. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1999. B có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Ngày 24/5/2022 bị Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (cũ) xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 28/4/2023,

B đã chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong toàn bộ bản án nên đã được xoá án tích.

B bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại K – Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh H. Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Toà R3 Onsen KĐT EcoPark, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

2. Bà Nguyễn Bích D1, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tòa R O, xã P, tỉnh Hưng Yên

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Ngọc V1, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Như Phượng Thượng, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên

2. Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mai Xá, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên

3. Chị Phạm Thị Phương A, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cầu, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn AB Quán Trạch, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

5. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Hưng Yên

***Người làm chứng:** Ông Mai Tuấn H2, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: R, phường P, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm: 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (HKTT) tại: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên và Trần Xuân B, sinh năm: 1991, HKTT: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên là bạn bè quen biết nhau, đều không có việc làm ổn định nên đã rủ nhau trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài. Đầu tháng 7 năm 2025, Đ thuê phòng 18A06A toà R2 chung cư O, khu đô thị E, xã P, tỉnh Hưng Yên để ở. Trong quá trình sinh sống tại đây, Đ thấy cư dân thường để xe đạp thể thao có giá trị dưới hầm của chung cư nhưng không trông coi, gửi giữ nên đã rủ B đi trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài và B đồng ý.

Khoảng 21 giờ ngày 09/7/2025, Đ đi xuống hầm để xe của toà Onsen R3 tìm kiếm và phát hiện 01 xe đạp thể thao màu ghi, khung xe ghi chữ TREK màu xanh của anh Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1989, ở tại: P tòa R, khu đô thị E, xã P, tỉnh Hưng Yên, để ở khu khuất người qua lại, xe còn mới, có giá trị, nên đã chụp ảnh lại để gửi cho B. Đ gọi điện bảo B thuê xe ô tô loại 7 chỗ đi xuống hầm, lấy trộm cho lên xe taxi đi qua cổng an ninh, ra ngoài để tránh bị phát hiện. B thuê xe ô tô, loại 7 chỗ nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER, màu đen, biển số: 89A – 332.04 của anh Nguyễn Anh T2, sinh năm: 1988, nơi thường trú: Thôn M, xã H, tỉnh Hưng Yên đến khu đô thị E gặp Đ. Đ mở điện thoại cho B xem ảnh chụp chiếc xe đạp thể thao mà Đ bảo B lấy trộm. B bảo anh T2 lái xe đi xuống hầm R3 Onsen, B tìm kiếm và thấy ở cột B24 có 01 chiếc xe đạp thể thao màu ghi xám, khung xe ghi chữ THONG NHAT màu vàng (*Có khóa dây cài mã số ở bánh sau*) của chị

Nguyễn Thị Bích D1, sinh năm: 1979, đang ở tại: Phòng R – G05A tòa R3 O, khu đô thị E, xã P, tỉnh Hưng Yên. B nghĩ đây là xe Đ bảo lấy trộm nên bảo anh T2 là xe đạp của B và cho lên xe để B mang đi sửa. Anh T2 dừng xe lại, B lén lút mở cốp xe và bê chiếc xe đạp thể thao của chị D1 để vào trong cốp xe rồi bảo anh T2 lái xe ô tô đi qua cổng an ninh ra đường C theo hướng Hưng Yên – Hà Nội. Đồng thời, B gọi điện báo cho Đ là đã đi ra ngoài, Đ hẹn gặp nhau ở khu Đ, thành phố Hà Nội. Khi đi qua ngã tư đèn xanh, đèn đỏ Đa T thuộc địa phận xã B, thành phố Hà Nội, B xuống xe, lấy xe đạp thể thao trộm cắp được ra khỏi cốp thì Đ cũng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số: 89L1 – 431.61, màu xám đen (*Của chị Phạm Thị Phương A, sinh năm: 1996, nơi thường trú: Thôn C, xã L, tỉnh Hưng Yên là bạn gái của Đ*) cũng đi tới. Đ trả tiền xe taxi cho anh T2 và kiểm tra thấy chiếc xe đạp B lấy trộm được không giống với chiếc xe mà Đ bảo B lấy nhưng do đã lấy được rồi nên Đ cũng đồng ý lấy trộm chiếc xe trên. Đ điều khiển xe mô tô biển số: 89L1 – 431.61 chở B ngồi sau vác xe đạp trên vai mang gửi nhờ ở cửa hàng bánh mỳ của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1977, nơi thường trú: Thôn A, xã V, tỉnh Hưng Yên (*Ở khu vực ngã tư đèn xanh, đèn đỏ Đ*) để tìm cách trộm cắp được chiếc xe của anh H rồi sẽ cùng tiêu thụ. Khi gửi xe, Đ chỉ hẹn hôm sau sẽ quay lại lấy, còn chị H1 thì thường cho công nhân gửi xe để đi làm nên cũng không hỏi về nguồn gốc của xe.

Khoảng 09 giờ ngày 10/7/2025, Đ tiếp tục đi đến tầng hầm tòa R3 Onsen, tìm kiếm và thấy chiếc xe đạp thể thao màu ghi, khung xe ghi chữ TREK màu xanh của anh H (mà Đức định trộm cắp ngày 09/7/2025) đang được khóa bằng khóa dây và để ở khu vực cột A29. Đ lén lút dắt chiếc xe ra vị trí đỗ xe ô tô ở khu vực cột R, cách vị trí ban đầu khoảng 15m để B dễ thấy. Đ gọi điện bảo B mua một chiếc kim cộng lực và chỉ vị trí để xe đạp để B đến lấy. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số: 89E1 – 257.04, màu xanh (*muợn của chủ nhà nơi B làm thuê xây dựng là chị Đàm Thị H3, sinh năm: 1987, nơi thường trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên*) đến cửa hàng của chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1983 ở thôn Đ, xã V, mua 01 chiếc kim cộng lực, màu đen với giá 150.000 đồng. Do B không có tiền nên đã gọi điện bảo Đ chuyển khoản, Đ không có tiền trong tài khoản nên nhờ bạn gái là Phương A chuyển khoản hộ nhưng không nói rõ là mua đồ gì và để làm gì. B đi đến hầm Onsen R, để xe máy ở ở cột R3/A27 và đến cột R3/A28 để xem xe đạp rồi đi lên phòng 18A06A tòa R2 gặp Đ. Tại đây, B và Đ cùng kiểm tra xem kim B mua có cắt được khóa dây xe đạp không. Sau đó, B cầm kim đi xuống tầng hầm đến vị trí cột R3/A28 chỗ để xe đạp thể thao màu ghi, khung xe ghi chữ TREK màu xanh của anh H, lén lút dắt xe sang vị trí cột R3/A25 để vào góc khuất, dùng kẹp cộng lực cắt đứt khóa dây, để khóa dây vào cốp xe còn kim để ở khung xe mô tô biển số 89E1 -257.04. Sau đó, Đ bảo B gọi điện cho anh Nguyễn Ngọc V1, sinh năm: 1995 ở thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên (*là lái xe taxi*) đến đón Đ. B bảo anh V1 đi xe xuống hầm, mở cốp cho B cất xe đạp của B vào nhưng không vừa. Anh V1 bảo làm như thế sẽ xước, hỏng xe của anh V1 nên B tháo bánh sau của xe đạp ra và cho vào ghế phía sau của xe. Sau đó, B bảo anh V1 điều khiển xe đi qua cổng an ninh để lên sảnh đón Đ. Khi đi qua cổng an ninh thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện, yêu cầu dừng lại vào báo Công an xã P đến làm việc. Công an xã P đã phát hiện Đ đang chờ B ở sảnh tòa R3, kiểm tra, thu giữ của Đ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12, màu xanh; thu giữ của B 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi, màu

đen, 01 chiếc xe mô tô biển số 89E1-257.04 (khung phía trước của xe có 01 chiếc kim cộng lực màu đen, trong cốp xe có 01 chiếc khoá dây; thu giữ của anh V1 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, màu bạc, biển số 89E-000.92 và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12, màu trắng.

Cùng ngày, Công an xã P đã bàn giao hồ sơ vụ việc và các đồ vật đã thu giữ nói trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để giải quyết theo thẩm quyền. Đ và B đã chỉ dẫn Cơ quan điều tra đến cửa hàng của chị Nguyễn Thị H1 thu giữ chiếc xe đạp thể thao, màu ghi xám, khung xe ghi chữ THONG NHAT màu vàng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã rà soát, thu giữ được các video hình ảnh trong dữ liệu camera an ninh của khu đô thị liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của Đ và B. Kiểm tra điện thoại của Đ, B cũng phát hiện các cuộc gọi, tin nhắn hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 12/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H yêu cầu định giá tài sản đối với 02 chiếc xe đạp của anh H và chị D1 bị trộm cắp nêu trên. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 25/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên kết luận: Chiếc xe đạp, màu ghi xám, khung xe ghi chữ THONG NHAT màu vàng, trị giá 3.000.000 đồng; chiếc xe đạp, màu ghi, khung xe ghi chữ TREK màu xanh, trị giá 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSKV4 ngày 10/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh Đ và Trần Xuân B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với bản Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hưng Yên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 (Riêng bị cáo Nguyễn Mạnh Đ áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52) của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh Đ và Trần Xuân B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh Đ từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/7/2025.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân B 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/7/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 tịch phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu đen của Trần Xuân B; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, mặt sau màu xanh, của

Nguyễn Mạnh Đ; Tịch thu tiêu hủy 01 Chiếc kim băng kim loại, màu đen; 01 chiếc khóa dây có mã số đã bị cắt đứt rời; Các USB trong là file video thu hình ảnh các bị cáo trộm cắp tài sản được niêm phong trong các phong bì ký hiệu B1, C1, E1 đề nghị lưu giữ tại HS vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, VKSND và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Các Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa một số bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt không có lý do. Các Bị cáo, Bị hại có mặt và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy những người vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội : Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của chính các bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập nên có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 09, 10/7/2025, Nguyễn Mạnh Đ và Trần Xuân B đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản tại hầm để xe của chung cư O, khu đô thị E, xã P, tỉnh Hưng Yên, lén lút, trộm cắp 01 chiếc xe đạp màu ghi xám, khung xe ghi chữ THONG NHAT màu vàng, trị giá 3.000.000 đồng của chị Nguyễn Bích D1 và trộm cắp 01 chiếc xe đạp màu ghi, khung xe ghi chữ TREK màu xanh, trị giá 5.000.000 đồng của anh Nguyễn Trọng H.

Các Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được là 8.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật này là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhân thân bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một khách thể của pháp luật hình sự, gây mất an ninh trật tự, tạo

ra sự lo lắng, bức xúc cho người dân trong việc bảo vệ tài sản nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân.

[4]. Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo đồng phạm thực hiện tội phạm nhưng mang tính chất giản đơn, Đ là người khởi xướng, tìm kiếm tài sản rồi bảo B cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Đ giữ vai trò chính, B trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên giữ vai trò thứ hai.

Nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu:

Bị cáo Đ ngày 29/12/2021, bị Công an huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 20/9/2022, bị Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù. Ngày 09/8/2024, Đ chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa hết thời hạn để được xóa án tích.

Bị cáo B ngày 24/5/2022 bị Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (cũ) xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 28/4/2023, B đã chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong toàn bộ bản án nên đã được xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng: Các Bị cáo 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lần thứ nhất chiếm đoạt được tài sản trị giá 3.000.000đ, lần thứ 2 chiếm đoạt được tài sản trị giá 5.000.000đ, từng lần đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên cả bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đ phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích của bản án trước nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản các bị cáo chiếm đoạt giá trị không lớn, đã thu hồi trả cho người bị hại, gây thiệt hại không lớn nên sẽ cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy: Các Bị cáo cáo tuổi đời còn rất trẻ nhưng lại sử dụng ma túy, đều đã từng bị xử phạt tù nhưng không chịu tu dưỡng bản thân, cai nghiện ma túy, chịu khó lao động kiếm sống bằng con đường chân chính mà lại sống buông thả, tìm cơ hội để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân, mua ma túy. Các bị cáo thực hiện tội phạm 2 lần trở lên, chứng chứng tỏ bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo Đ giữ vai trò chính, có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên sẽ phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo B.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với Chị Đàm Thị H3 cho B mượn xe mô tô biển số 89E1-257.04 để đi lại; chị Nguyễn Thị H1 cho Đ và B gửi chiếc xe đạp ghi xám có chữ THỐNG NHẤT; chị Phạm Thị Phương A chuyển khoản hộ cho Đ 150.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc V1, anh Nguyễn Anh T2 được Đ và B gọi đến chở khách rồi mang xe đạp đi ra khỏi hầm nhưng họ đều không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ và B nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với họ là chính xác.

[7]. Về trách nhiệm dân sự

Các Bị hại là anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Bích D1 đã nhận lại được tài sản của mình và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 Điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu đen của Trần Xuân B; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, mặt sau màu xanh của Nguyễn Mạnh Đ là những công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 Chiếc kìm bằng kim loại, màu đen của B là công cụ phạm tội và 01 chiếc khóa dây có mã số đã bị cắt đứt rời của chị D1 không liên quan đến hành vi phạm tội, chị D1 không nhận lại; đều không còn giá trị sử dụng nên sẽ cho tiêu hủy.

Đối với các USB chứa file video thu hình ảnh các bị cáo trộm cắp tài sản được niêm phong trong các phong bì ký hiệu B1, C1, E1 sẽ cho lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh Đ.

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Xuân B.

- điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 292, Điều 293; Điều 299; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mạnh Đ và Trần Xuân B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh Đ 02(hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/7/2025

Bị cáo Trần Xuân B 01(một) năm 09(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/7/2025.

5. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu đen có lắp thẻ sim có dãy số 8984 04800 09190 02888 của Trần Xuân B; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, mặt sau màu xanh lắp thẻ sim có dãy số 8984 04800 09193 87956 của Nguyễn Mạnh Đ.

- Cho tiêu hủy 01 Chiếc kim băng kim loại màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc khóa dây có mã số đã bị cắt đứt rời đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao vật chứng ngày 23/9/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 tỉnh Hưng Yên)

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Mạnh Đ và Trần Xuân B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thoa